TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **82**/2019/HS-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Thế.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Quốc Thể.
Ông Hoàng Văn Hùng.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Bùi Trần Thị Minh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Thành Thụy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2019/TLST-HS, ngày 31/7/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST-HS, ngày 16/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/HSST-QĐ ngày 27/8/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Văn B** (tên gọi khác Sò), sinh ngày 12/12/1973, tại S, Tuyên Quang. Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã S1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn M (đã chết) và bà Dương Thị C, sinh năm 1947; Vợ: Thăng Thị T, sinh năm 1974; Có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1996; Tiền án: Không.

Tiền sự: Có 01 tiền sự, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 47 ngày 18/02/2019 của Trưởng Công an huyện S xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 27/02/2019 thi hành xong.

Nhân thân: Bản án số 92/2010/HSST ngày 27/12/2010 của TAND huyện S xử phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 01 năm về tội đánh bạc (số tiền trong vụ án 6.150.000 đồng), phạt tiền 3.000.000 đồng, truy thu 600.000 đồng và chịu án phí HSST 200.000 đồng. Ngày 16/8/2016 thi hành xong án phí, Quyết định miễn nghĩa vụ thi hành án số 39 ngày 23/9/2016 của TAND huyện S đối với số tiền truy thu, phạt là 3.600.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/6/2019 đến ngày 12/6/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Họ và tên: **Bùi Văn Q,** sinh ngày 11/01/1984, tại V, Vĩnh Phúc. Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C, sinh năm 1956 và bà Bùi Thị M, sinh năm 1953; Vợ: Vũ Thị L, sinh năm 1988; Có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/6/2019 đến ngày 12/6/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Họ và tên: **Hoàng Văn H,** sinh ngày 02/11/1986, tại S, Tuyên Quang. Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã S1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1950 và bà Khổng Thị L, sinh năm 1946; Vợ: Trần Thị S, sinh năm 1987; Có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 06/2016/HSST ngày 29/01/2016 của TAND huyện S xử phạt 5.000.000 đồng về tội đánh bạc (số tiền trong vụ án 3.770.000 đồng) và chịu án phí HSST 200.000 đồng. Quyết định giám đốc thẩm số 60 ngày 27/4/2017 của TAND Cấp cao tại Hà Nội, miễn trách nhiệm hình sự đối với Hoàng Văn H, ngày 28/3/2018 thi hành xong án phí.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/6/2019 đến ngày 12/6/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Họ và tên: **Trần Văn T,** sinh ngày 10/8/1974, tại S, Tuyên Quang. Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã S1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Y, sinh năm 1932 và bà Trương Thị L, sinh năm 1936; Vợ: Vũ Thị H, sinh năm 1976; Có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/6/2019 đến ngày 12/6/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn T,** sinh ngày 24/8/1991, tại S, Tuyên Quang. Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã S1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1962 và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1961; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/6/2019 đến ngày 12/6/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người làm chứng: Trương Hồng H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 03/6/2019, tại nhà Hoàng Văn B, sinh năm 1973, trú tại thôn B, xã S1, huyện S. Tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện S lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Hoàng Văn B, sinh năm 1973, Hoàng Văn H, sinh năm 1986, Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, Trần Văn T, sinh năm 1974, cùng trú tại thôn B, xã S1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang và Bùi Văn Q, sinh năm 1984, trú tại thôn P, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc về hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh Liêng được thua bằng tiền. Tang vật thu giữ gồm: Thu trên chiếu bạc 5.190.000 đồng; 52 quân bài tú lơ khơ; 01 chiếu cói (đã qua sử dụng). Bùi Văn Q tự giao nộp 10.800.000 đồng, Hoàng Văn H tự giao nộp 730.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 12 giờ ngày 03/6/2019, các bị cáo trên đến nhà Hoàng Văn B uống nước sau đó cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh Liêng bằng tú lơ khơ được thua bằng tiền (bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếu cói có sẵn ở nhà Ba), mức sát phạt từ 10.000 đồng trở lên, trong đó:

1. Hoàng Văn B có **650.000** đồng sử dụng đánh bạc, thắng 450.000 đồng, khi bị phát hiện để hết tiền tại chiếu bạc và bị thu giữ.

2. Bùi Văn Q có số tiền **2.600.000** đồng sử dụng đánh bạc, không xác định được thắng hay thua, khi bị phát hiện để hết tiền tại chiếu bạc và bị thu giữ. Sau đó Quang giao nộp thêm cho Cơ quan điều tra số tiền 10.800.000 đồng, là tiền của gia đình bị cáo để đi mua hàng (không sử dụng vào việc đánh bạc).

3. Nguyễn Văn T có **160.000** đồng sử dụng đánh bạc, thắng 500.000 đồng, khi bị phát hiện để hết tiền tại chiếu bạc và bị thu giữ.

4. Hoàng Văn H có **930.000** đồng sử dụng đánh bạc, lấy trước ra 200.000 đồng để đánh bạc, thua 180.000 đồng, còn 20.000 đồng để trên chiếu bạc đã bị thu giữ. Sau đó Hải lấy trong người ra 730.000 đồng nộp cho Công an.

5. Trần Văn T có **350.000** đồng sử dụng đánh bạc, thua 90.000 đồng, khi bị phát hiện còn 260.000 đồng để trên chiếu bạc và bị thu giữ.

Tổng số tiền các bị cáo khai nhận sử dụng vào việc đánh bạc là **4.690.000** đồng *(Bốn triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng).*

Các bị cáo tham gia đánh bạc đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác của Đội CSĐT tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện S phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật và chụp ảnh tả rõ vị trí từng bị cáo ngồi đánh bạc.

Ngoài ra các bị cáo còn khai có Trương Hồng Hải, sinh năm 1995, trú tại thôn Văn Bảo, xã S1, huyện S có mặt ở đó ngồi xem nhưng không tham gia đánh bạc.

Từ nội dung trên, tại Cáo trạng số 86/CT-VKSSD, ngày 30/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Hoàng

Văn B, Bùi Văn Q, Hoàng Văn H, Trần Văn T, Nguyễn Văn T về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn B, Bùi Văn Q, Hoàng Văn H, Trần Văn T, Nguyễn Văn T phạm tội "Đánh bạc".

- Về áp dụng điều luật và hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn B từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù. Được trừ thời gian đã tạm giữ, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn Q từ 08 (tám) đến 10 (mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời hạn thử thách đối với bị cáo.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58, 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 07 (bảy) đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời hạn thử thách đối với bị cáo.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý vật chứng, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh tụng, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất. Ngoài lời khai nhận tội của các bị cáo, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản hiện trường và toàn bộ những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 12 giờ đến 14 giờ 30 phút ngày 03/6/2019, tại nhà Hoàng Văn B ở thôn B, xã S1, huyện S. Các bị cáo Hoàng Văn B, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn T, Trần Văn T và Bùi Văn Q có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh Liêng được thua bằng tiền, mức sát phạt từ 10.000 đồng trở lên. Số tiền các bị cáo khai sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể như sau:

1. Hoàng Văn B có **650.000** đồng sử dụng đánh bạc;

2. Bùi Văn Q có số tiền **2.600.000** đồng sử dụng đánh bạc;

3. Hoàng Văn H có **930.000** đồng sử dụng đánh bạc;

4. Trần Văn T có **350.000** đồng sử dụng đánh bạc;

5. Nguyễn Văn T có **160.000** đồng sử dụng đánh bạc;

Các bị cáo đều thừa nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S thu trên chiếu bạc là 5.190.000 đồng, số tiền này các bị cáo dùng để đánh bạc và bị cáo Hoàng Văn H tự giác nộp 730.000 đồng là dùng để đánh bạc. Tổng cộng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 5.920.000 đồng. Số tiền này chênh lệch với số tiền các bị cáo khai nhận dùng để đánh bạc là 1.230.000 đồng (không xác định của bị cáo nào) nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về số tiền này.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như cáo trạng là có căn cứ pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của mỗi bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Các bị cáo phạm tội với tính chất là đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ; vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo được đánh giá như sau: Bị cáo Hoàng Văn B cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà mình; các bị cáo Hoàng Văn B, Hoàng Văn H từng bị kết án về tội đánh bạc nhưng đã được xóa án tích; Hoàng Văn B từng bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc (tiền sự); các bị cáo Bùi Văn Q, Trần Văn T, Nguyễn Văn T phạm tội lần đầu.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Các bị cáo Bùi Văn Q, Trần Văn T và Nguyễn Văn T đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng

khi quyết định hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Trần Văn T có bố đẻ là ông Trần Văn Y được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Các bị cáo Hoàng Văn B, Hoàng Văn H được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Hoàng Văn H được chính quyền địa phương đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp. Vì vậy các chứng cứ có trong hồ sơ đều được thu thập theo trình tự tố tụng và hợp pháp.

[4] Về mức án mà Viện kiểm sát đề nghị:

- Bị cáo Hoàng Văn B có tiền sự về hành vi đánh bạc, chỉ có một tình tiết giảm nhẹ, do vậy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

- Các bị cáo Bùi Văn Q, Trần Văn T, Nguyễn Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, bị cáo Hải được coi là có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình, phải nuôi mẹ già, con nhỏ. Để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước, Hội đồng xét xử thấy không cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam, mà cho các bị cáo Bùi Văn Q, Hoàng Văn H được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo; các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn T áp dụng hình phạt cải tạo tại địa phương là phù hợp.

Xét các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn T.

[5] Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S đang tạm giữ:

- 52 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếu cói (đã qua sử dụng). Là vật chứng các bị cáo sử dụng để đánh bạc, hiện không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

- Trong tổng số tiền 16.720.000 đồng *(Mười sáu triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng)*, có 5.920.000đ *(Năm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)* các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc do vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; đối với số tiền 10.800.000đ *(Mười triệu tám trăm nghìn đồng*) của Bùi Văn Q không sử dụng và mục đích đánh bạc do vậy cần tuyên trả lại cho các bị cáo, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác:

- Đối với hành vi của Hoàng Văn B cho các bị cáo khác sử dụng địa điểm là nhà ở của bị cáo để đánh bạc nhưng không vì mục đích vụ lợi và bản thân bị cáo cũng tham gia đánh bạc, do vậy không cấu thành tội phạm khác.

- Đối với Trương Hồng Hải ngồi xem các bị cáo đánh bạc, không tham gia đánh bạc nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn B, Bùi Văn Q, Hoàng Văn H, Trần Văn T và Nguyễn Văn T phạm tội "Đánh bạc".

II. Về căn cứ điều luật và hình phạt:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Hoàng Văn B **06** (sáu) tháng tù. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/6/2019 đến ngày 12/6/2019. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam để chấp hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65, 58 Bộ luật hình sự; căn cứ thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Bùi Văn Q; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Hoàng Văn H.

- Xử phạt Bùi Văn Q **07** (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 14 (mười bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/8/2019).

- Xử phạt Hoàng Văn H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/8/2019).

Giao bị cáo Bùi Văn Q cho UBND xã Yên Lập, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc và giao bị cáo Hoàng Văn H cho UBND xã S1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 58 Bộ luật hình sự; căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T.

- Xử phạt Trần Văn T **07** (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/6/2019 đến ngày 12/6/2019 là 09 (chín) ngày quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành **06** (sáu) tháng **03** (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã được giao giám sát giáo dục nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

- Xử phạt Nguyễn Văn T **06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/6/2019 đến ngày 12/6/2019 là 09 (chín) ngày quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành **05** (năm) tháng **03** (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã được giao giám sát giáo dục nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn T cho Uỷ ban nhân dân xã S1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

III. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.920.000đ *(Năm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)* tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đã chuyển vào tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, mở tại Kho bạc Nhà nước huyện S.

2. Trả lại cho Bùi Văn Q 10.800.000đ *(Mười triệu tám trăm nghìn đồng*tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đã chuyển vào tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, mở tại Kho bạc Nhà nước huyện S. Nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

3. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếu cói cũ đã qua sử dụng; 52 (năm mươi hai) quân bài tú lơ khơ.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, lập ngày 09/8/2019).

IV. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

1. Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

2. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (30/8/2019)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã S1, S, Tuyên Quang
- UBND xã Y, V, Vĩnh Phúc
- Các bị cáo;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Thế